



## HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN/ SECURITIES TRANSACTION ACCOUNT OPENING AGREEMENT

**(Kiêm Giấy Đề Nghị Mở Tài Khoản/Also Application for Securities Transaction Account Opening)**

Mẫu dành cho Tổ chức lưu ký tại NHLK/Form for Custodian Institution at Custodian Bank

Số/No.: ...../202.../FPTS

Hợp đồng mở tài khoản này (“Hợp đồng”) được ký tại Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....giữa/ This Securities Transaction Account Opening Agreement (hereinafter referred to as “Agreement”) is made in Hanoi on day ..... month ..... year ... between:

**1. NHÀ ĐẦU TƯ TỔ CHỨC (Sau đây gọi là “Khách hàng”)/INSTITUTIONAL CUSTOMER (Hereinafter referred to as “Customer”)**

**KHÁCH HÀNG** (Chữ in hoa)/**CUSTOMER** (Capital letter):.....

Giấy CN ĐKDN/Business Registration No.:.....

Ngày cấp/Date of issue:..... Nơi cấp/Issuing authority:.....

Địa chỉ trụ sở chính/Contact address: .....

Điện thoại/Telephone: ..... Fax:..... MST/Tax code:.....

Điện thoại di động/Mobile phone: ..... Email: .....

Tài khoản số/Account number: ..... Tại ngân hàng/At bank:.....

**Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức/Legal representative:** .....

Chức vụ/Position: .....

Số CMT/CCCD/Hộ chiếu//ID/Citizen Identity/Passport No.:..... Ngày cấp/Date of issue:.....

Nơi cấp/Issuing authority: .....

Tài khoản giao dịch chứng khoán số/

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Securities transaction account number:

**2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT (Sau đây gọi là “FPTS”)/FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY (Hereinafter referred to as “FPTS”)**

Địa chỉ/Address: .....

Điện thoại/Telephone: ..... Fax: ..... MST/Tax code: .....

Người đại diện theo pháp luật/Legal representative: Ông Nguyễn Điệp Tùng

Chức vụ/Position: Tổng Giám đốc/General Director

Người đại diện theo Ủy quyền/Authorized representative: ..... Chức vụ/Position: .....

Giấy ủy quyền số//Power of attorney No.: ..... Ngày/Dated: .....

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán với bản “Các điều khoản và điều kiện Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán” và bản “Thông tin Khách hàng và Đăng ký dịch vụ” đính kèm//The two Parties agree to sign the Securities Transaction Account Opening Agreement with the “Terms and Conditions of Securities Transaction Account Opening Agreement” and the “Customer Information and Services Registration Form” appended.

Bản “Các điều khoản và điều kiện Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán” và bản “Thông tin Khách hàng và Đăng ký dịch vụ” là các phần không tách rời và có giá trị pháp lý như Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán này//The “Terms and Conditions of Securities Transaction Account Opening Agreement” and the “Customer Information and Services Registration Form” hereunder are integral parts of the Agreement and have the same legal validity as this Agreement.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký/This Agreement shall take effect from the date of signing.

**KHÁCH HÀNG/CUSTOMER**  
(Ký/Signature, họ tên/full name, đóng dấu/seal)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**  
**FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**  
(Ký/Signature, họ tên/full name, đóng dấu/seal)

**CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN/  
TERMS AND CONDITIONS OF SECURITIES TRANSACTION ACCOUNT OPENING AGREEMENT**  
*(Ban hành theo Quyết định 108-2022/QĐ/FPTS-FHR ngày 15/11/2022 của TGD Công ty cổ phần Chứng khoán FPT/  
Issued on the word of the Decision No.108-2022/QĐ/FPTS-FHR dated November 15, 2022 of the General Director of FPT  
Securities Joint Stock Company)*

**Điều 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

**Article 1: AGREEMENT CONTENT**

- 1.1 Khách hàng đề nghị và FPTS đồng ý mở một tài khoản giao dịch chứng khoán, gọi tắt là “Tài khoản Giao dịch” đứng tên Khách hàng để thực hiện các giao dịch chứng khoán cho Khách hàng/*The Customer submits an official request and FPTS agrees to open a securities transaction account, shortly referred to as “Transaction Account” under the name of Customer to execute securities transactions for the Customer.*
- 1.2 FPTS cung cấp cho Khách hàng bao gồm nhưng không hạn chế bởi các dịch vụ/tiện ích trên Tài khoản Giao dịch sau đây/*FPTS provides the Customer with services/utilities on the Transaction Account including but not limited to:*
  - Môi giới mua, bán chứng khoán/*Provide brokerage services for securities buy and sale;*
  - Các dịch vụ khác theo thỏa thuận giữa Khách hàng và FPTS/*Other services as agreed between the Customer and FPTS.*

**Điều 2: CAM KẾT MẶC ĐỊNH**

**Article 2: GENERAL COMMITMENTS**

- 2.1 Khách hàng xác nhận vào thời điểm ký kết Hợp đồng này, Khách hàng đã tìm hiểu và được hướng dẫn đầy đủ về các dịch vụ và phương thức giao dịch của FPTS (đăng ký tại bản “Thông tin Khách hàng và Đăng ký dịch vụ” đính kèm Hợp đồng này) cũng như ý thức được những rủi ro có thể xảy ra từ việc sử dụng các dịch vụ này, tự nguyện đăng ký sử dụng và chấp nhận những mất mát, thiệt hại phát sinh (nếu có) từ việc sử dụng các dịch vụ này/*The Customer hereby certifies that, at the time of signing this Agreement, he/she has studied, understood and had explicit instructions on services and modes of performing transactions at FPTS (Register in the “Customer Information and Services Registration Form” appended to this Agreement), understood all the risks that may occur in the process of using these services, voluntarily registered to use and will accept all losses and damage (if any) from using these services;*
- 2.2 Khách hàng đồng ý rằng FPTS chỉ phải thông báo các thông tin liên quan đến Tài khoản Giao dịch của Khách hàng qua tin nhắn SMS và/hoặc Email đã đăng ký với FPTS. Trong trường hợp có sự thay đổi về thông tin này, Khách hàng phải chủ động thông báo cho FPTS/*The Customer agrees that FPTS only notifies information with connection to the Transaction Account of the Customer by means of SMS message and/or email using telephone number and email address the Customer registers with FPTS. In the event of any change(s) to this information, the Customer must notify FPTS of such change(s);*
- 2.3 Khách hàng phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của FPTS và chịu trách nhiệm về các thông tin đã cung cấp, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với FPTS khi thực hiện giao dịch chứng khoán trên Tài khoản Giao dịch của mình tại FPTS/*The Customer must provide information as requested by FPTS and shall assume the responsibility for information provided for FPTS while fulfilling all obligations to FPTS when he/she executes securities transaction on his/her Transaction Account at FPTS;*
- 2.4 Khi ký tên vào các chứng từ, tài liệu, phiếu lệnh giao dịch ... để yêu cầu FPTS thực hiện giao dịch trên tài khoản của mình tại FPTS, Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi đề nghị FPTS thực hiện giao dịch cho mình. FPTS chỉ có trách nhiệm thực hiện giao dịch theo yêu cầu của Khách hàng mà không phải chịu trách nhiệm về các quyết định giao dịch chứng khoán của Khách hàng/*By signing documents, materials, order slips and any other documents to request FPTS to perform transactions on his/her account at FPTS, the Customer implicitly admits having carefully considered before making any request to FPTS to execute transactions on his/her behalf. FPTS is solely responsible for the transactions as requested by the Customer without having to bear any responsibility for securities transaction decisions of the Customer;*
- 2.5 Khi ủy quyền cho người khác thực hiện giao dịch trên Tài khoản Giao dịch của mình tại FPTS, Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng và đồng ý chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ phát sinh do người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền/*When he/she authorizes other person(s) to execute transactions on his/her accounts at FPTS, the Customer implicitly admits having carefully considered and agrees to assume the final responsibility for any obligations that incur when such authorized person(s) performs in the scope of authorization;*
- 2.6 Khách hàng ý thức được những rủi ro có thể xảy ra khi thực hiện giao dịch chứng khoán và chấp nhận những mất mát, thiệt hại phát sinh (nếu có)/*The Customer is aware of risks that may occur in the event of executing securities transactions and shall accept all losses and damage that may arise (if any);*
- 2.7 Khách hàng đồng ý ủy quyền cho FPTS được đề nghị Ngân hàng lưu ký/*The Customer agrees to authorize FPTS to request the custodian bank:*
  - Xác nhận và phong tỏa số dư tiền, số dư chứng khoán trên tài khoản của Khách hàng tại Ngân hàng lưu ký khi Khách hàng đặt lệnh giao dịch qua FPTS/*To verify and freeze the balance of money and securities on the Customer’s account at the Custodian Bank when the Customer places a transaction order via FPTS;*
  - Trích tiền, chứng khoán trên tài khoản của Khách hàng tại Ngân hàng lưu ký để thanh toán cho các lệnh mua, bán chứng khoán đã khớp và các khoản phí, thuế (nếu có) phát sinh/*Deduct money and securities on the Customer’s account at the Custodian Bank to pay for traded buying orders and selling orders and for any fee and tax (if any) arising from such traded orders.*

- 2.8 Khách hàng cam kết thanh toán đúng hạn các khoản phí, thuế theo quy định của Pháp luật, của các cơ quan quản lý về chứng khoán và của FPTS/*The Customer undertakes to pay all fees, charges and taxes in a timely manner in accordance with the law, securities authorities and FPTS.*

### **Điều 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG**

#### **Article 3: RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE CUSTOMER**

##### **3.1 QUYỀN/RIGHTS:**

- 3.1.1 Được đặt lệnh mua, bán chứng khoán theo các phương thức đặt lệnh đã đăng ký với FPTS/*Place orders to buy and sell securities with the methods registered with FPTS;*
- 3.1.2 Được quyền yêu cầu FPTS cung cấp sao kê, các dữ liệu về hoạt động giao dịch trên Tài khoản Giao dịch tại FPTS/*Request FPTS to provide account statements and data pertaining to the Transaction Account at FPTS.*

##### **3.2 NGHĨA VỤ/OBLIGATIONS:**

- 3.2.1 Khi thực hiện giao dịch, Khách hàng phải tuân thủ các hướng dẫn, qui định của FPTS và các quy định của Pháp luật/*Abide by all the regulations and guidance provided by FPTS and the law;*
- 3.2.2 Nộp các loại phí giao dịch, phí dịch vụ, thuế và các khoản phí khác theo quy định của Pháp luật, của các cơ quan quản lý về chứng khoán và của FPTS trong từng thời kỳ/*Pay all transaction fees, service fees, custodial fees, taxes and other fees/charges as regulated by law, securities authorities and FPTS from time to time;*
- 3.2.3 Bảo mật các thông tin liên quan đến Tài khoản Giao dịch, mật khẩu, Thiết bị xác thực người dùng - Token Card và phải thông báo ngay cho FPTS khi các thông tin này bị tiết lộ/*Protect the confidentiality of information relating to the Transaction Account, password, Token Card user authentication device and immediately notify FPTS if these details are compromised;*
- 3.2.4 Thông báo kịp thời cho FPTS khi phát hiện thấy các sai sót, nhầm lẫn trên Tài khoản Giao dịch hoặc Tài khoản Giao dịch bị lợi dụng hay có những vấn đề bất thường/*Notify FPTS in a timely manner in the event that details on the Transaction Account are erred and/or mistaken or the Transaction Account is misused or unusual occurrences are found.*

### **Điều 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA FPTS**

#### **Article 4: RIGHTS AND OBLIGATIONS OF FPTS**

##### **4.1 QUYỀN/RIGHTS:**

- 4.1.1 Được quyền thu phí và thay đổi Biểu phí dịch vụ. Biểu phí thay đổi sẽ được FPTS thông báo tại các địa điểm giao dịch của FPTS và Website <http://www.fpts.com.vn> trước khi có hiệu lực/*Collect fees and change the Service Tariff. Any change(s) to the Service Tariff shall be announced on FPTS's offices and website http://www.fpts.com.vn before its effectiveness;*
- 4.1.2 Trong trường hợp Khách hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Khách hàng đối với FPTS, FPTS có quyền yêu cầu Ngân hàng lưu ký sử dụng tiền trong tài khoản thanh toán của Khách hàng và/hoặc bán một phần hay hoàn bộ chứng khoán trong tài khoản của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ đó. Trong trường hợp số dư tiền và/hoặc chứng khoán của Khách hàng không đủ để thanh toán các nghĩa vụ phát sinh, FPTS có quyền yêu cầu Khách hàng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có)/*In the event that the Customer fails to fulfil his/her obligations to FPTS, FPTS shall have the right to request the Custodian Bank to use money in the payment account of the Customer and/or sell a part or all of securities in the Customer's account for make the payment for such obligations. In the event that the amount of money and securities of the Customer is not enough to fulfil such obligations, FPTS shall have the right to request the Customer to fulfil his/her obligations and make a compensation for any damage (if any).*

##### **4.2 NGHĨA VỤ/OBLIGATIONS:**

- 4.2.1 Cung cấp các dịch vụ cho Khách hàng theo nội dung của Hợp đồng này tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật/*Provide services for the Customer as per the contents of this Agreement in accordance with the law;*
- 4.2.2 Cung cấp cho Khách hàng các thông tin, dữ liệu về Tài khoản Giao dịch và hoạt động giao dịch trên Tài khoản Giao dịch của Khách hàng/*Provide the Customer with information and data in connection with his/her Transaction Account and transaction activities on his/her Transaction Account;*
- 4.2.3 Bảo mật các thông tin, dữ liệu về Tài khoản Giao dịch và hoạt động giao dịch trên Tài khoản Giao dịch của Khách hàng. FPTS chỉ cung cấp thông tin cho bên thứ ba khi có sự đồng ý của Khách hàng hoặc khi FPTS phải cung cấp theo qui định của Pháp luật/*Protect the confidentiality of information and data of the Transaction Account and transaction activities of the Transaction Account of the Customer. FPTS shall only disclose such information and data to the third party upon the consent of the Customer or upon the request of the law;*
- 4.2.4 Trong trường hợp FPTS rút khỏi nghiệp vụ môi giới, giải thể hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, FPTS cam kết đảm bảo tốt nhất quyền lợi của Khách hàng theo đúng qui định của Pháp luật/*In the event that FPTS terminates its brokerage business, files bankruptcy or has Establishment and Operation Certificate revoked, FPTS is committed itself to guaranteeing the best rights and benefits of the Customer within the law;*
- 4.2.5 Bồi thường thiệt hại cho Khách hàng trong trường hợp FPTS vi phạm Hợp đồng này. Mức bồi thường thiệt hại do các bên thỏa thuận cụ thể hoặc theo quy định của Pháp luật/*Compensate for damage for the Customer in the event that FPTS breaches this Agreement. The compensation value shall be agreed upon by the Parties or stipulated by the law.*

## **Điều 5: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, CHẤM DỨT**

### **Article 5: MODIFICATION, SUPPLEMENTATION, TERMINATION**

FPTS có toàn quyền sửa đổi, bổ sung hay chấm dứt bất kỳ điều khoản và điều kiện nào trong bản “Các điều khoản và điều kiện Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán” này vào bất kỳ thời điểm nào. Bản cập nhật mới nhất được FPTS thông báo tại các địa điểm giao dịch của FPTS, trên trang thông tin điện tử chính thức của công ty <http://www.fpts.com.vn> và gửi tới email Khách hàng đăng ký với FPTS, sẽ có hiệu lực áp dụng thay thế bản cũ sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thông báo và trở thành một phần không thể tách rời của Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán đã được ký giữa Khách hàng và FPTS mà không cần sự đồng ý của Khách hàng. Việc sử dụng dịch vụ sau ngày mà bản cập nhật mới có hiệu lực sẽ được xem là sự chấp nhận hoàn toàn của Khách hàng đối với bản cập nhật đó. Nếu Khách hàng không đồng ý với bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào, Khách hàng có thể liên hệ FPTS để được giải thích hoặc đề nghị bằng văn bản về việc chấm dứt sử dụng dịch vụ và/hoặc đóng tài khoản giao dịch chứng khoán tại FPTS/*FPTS shall reserve the right to modify, supplement or terminate any term(s) and condition(s) of the “Terms and Conditions of Securities Transaction Account Opening Agreement” at any time. The latest update announced by FPTS at its business locations and on its website <http://www.fpts.com.vn> and sent to the Customer’s email registered with FPTS by the Customer shall prevail over older updates after 10 working days from the date of announcement and become an inseparable part of the Securities Transaction Account Opening Agreement signed between the Customer and FPTS without having to have the consent of the Customer. The use of service from the effective date of the new update signifies the Customer’s total acceptance of and agreement on such update. If the Customer does not agree with any amendment(s) and supplement(s) hereof, he/she may contact FPTS for clarification or apply a written request for termination of service and/or closure of his/her securities transaction account at FPTS.*

## **Điều 6: LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

### **Article 6: APPLICABLE LAW AND DISPUTE SETTLEMENT**

- 6.1 Tất cả nội dung và các điều khoản của Hợp đồng này được điều chỉnh bởi Luật pháp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam/*All the contents and terms of this Agreement are governed by the Law of the Socialist Republic of Vietnam;*
- 6.2 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, mọi tranh chấp phát sinh (nếu có) sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng, hòa giải. Trường hợp các bên không giải quyết được bằng hòa giải, tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án Việt Nam có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà các bên bắt buộc phải thi hành/*Any dispute(s), if any, arising from this Agreement shall be settled by negotiation. In the event that negotiation fails, such dispute(s) shall be settled at the law court of Vietnam according to the law and the verdict of the Court is final and obligatory to both Parties.*

## **Điều 7: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG**

### **Article 7: VALIDITY OF THE AGREEMENT**

- 7.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký/*This Agreement shall take effect from the date of signing;*
- 7.2 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có các vấn đề phát sinh khiến bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này được xác định là không có hiệu lực và không khả thi, những điều khoản còn lại vẫn sẽ có hiệu lực và ràng buộc các bên trong phạm vi Pháp luật cho phép/*In the event that any term(s) of this Agreement is determined ineffective and infeasible, the rest of the terms are still effective and obligatory to both parties in accordance with the law;*
- 7.3 Hợp đồng có thể bị chấm dứt trong các trường hợp sau/*This Agreement may be prematurely terminated upon the following conditions:*
  - Khách hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng/*The Customer submits a request for termination of this Agreement;*
  - Khách hàng vi phạm nghĩa vụ, thực hiện hành vi bị cấm theo qui định của Pháp luật/*The Customer violates the law and engages in conducts prohibited by the law;*
  - Khách hàng bị giải thể, bị phá sản, bị chia tách, hợp nhất hay sáp nhập/*The Customer is dissolved, bankrupt, split, amalgamated or merged;*
  - FPTS giải thể, bị phá sản, bị đình chỉ hoạt động, bị thu hồi giấy phép hoạt động/*FPTS is dissolved, bankrupt, has operations suspended, or has operation licenses revoked.*
- 7.4 Các Bên hoặc người thừa kế quyền và nghĩa vụ của các Bên phải thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này đối với Bên kia ngay cả khi Hợp đồng đã chấm dứt/*Parties concerned or person(s) entitled to inherit the rights and obligations of the Parties shall fulfil all rights and obligations arising from this Agreement to the other Party even if the Agreement has been terminated;*
- 7.5 Các nghĩa vụ của Khách hàng đối với FPTS phát sinh từ Hợp đồng này và các Hợp đồng khác được ký giữa hai bên vẫn sẽ tiếp tục hiệu lực và ràng buộc trách nhiệm của Khách hàng cho đến khi các nghĩa vụ đó được thực hiện toàn bộ và dứt điểm mà không bị hạn chế và/hoặc ràng buộc bởi việc Hợp đồng bị chấm dứt/*The obligations of the Customer to FPTS arising from this Agreement and other contracts signed by the two Parties shall be still effective and binding to the Customer’s responsibilities until such obligations are fulfilled entirely and definitely without any restrictions and/or obligatory bonds by the termination of this Agreement;*

7.6 Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau và bằng tiếng Việt. FPTS giữ một (01) bản, Khách hàng giữ một (01) bản/*This Agreement shall be made in two (02) originals of equal legal validity in Vietnamese language FPTS shall keep one (01) copy and the Customer shall keep one (01) copy.*

**KHÁCH HÀNG/CUSTOMER**

(Ký, họ tên, đóng dấu/*Signature, full name and seal*)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT/**

**FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**  
(Ký, họ tên, đóng dấu/*Signature, full name and seal*)

**THÔNG TIN KHÁCH HÀNG VÀ ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ/  
CUSTOMER INFORMATION AND SERVICES REGISTRATION FORM**

(Kèm theo Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán kèm Giấy đề nghị mở tài khoản  
ban hành theo Quyết định 108-2022/QĐ/FPTS-FHR ngày 15/11/2022 của TGD Công ty cổ phần Chứng khoán FPT/Appended to  
Securities Transaction Account Opening Agreement cum Application for Securities Transaction Account Opening, issued on the word of  
the Decision No. 108-2022/QĐ/FPTS-FHR dated November 15, 2022 of the General Director of FPT Securities Joint Stock Company)

**A. ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN/SECURITIES TRANSACTION SERVICES REGISTRATION**

**1. Phương thức giao dịch/ Methods of transaction**

- Giao dịch qua điện thoại (Bắt buộc sử dụng Token Card)/ Via Telephone (Token Card is compulsory)
- Giao dịch trực tuyến/ EzTrade - Online transactions:  
(EzTrade, EzMobileTrading, EzMobileFutures)
- Sử dụng Tên truy cập và Mật khẩu - Miễn phí/ Use login name and password - Free of charge
- Sử dụng Token card/ Use Token Card

**2. Sản phẩm dịch vụ/Products and services**

- Giao dịch Ký quỹ chứng khoán (EzMargin/Mortgage)/ Margin trading by separate margin contract
- Giao dịch Ký quỹ chứng khoán theo sức mua (EzMarginPro)/Margin trading on buying power leveraged by all stocks on account
- Giao dịch Chứng khoán phái sinh (EzFutures)/Derivatives trading
- Dịch vụ Tư vấn đầu tư (EzTVDT)/Investment advisory service
- Dịch vụ cho FPTS vay tiền (EzSaving)/Lending service by FPTS
- Dịch vụ chuyển tiền trực tuyến (EzTransfer) Online money transfer service
- Chuyển tiền không hạn chế Người thụ hưởng (Áp dụng cho tài khoản Sử dụng Thiết bị xác thực người dùng - Token card)/Money transfer to unlimited beneficiaries (Only applied to accounts attached with a password-generating Token Card)
- Chuyển tiền đến Người thụ hưởng sau (Tài khoản ngân hàng của chủ tài khoản hoặc người được ủy quyền)/Money transfer to the following beneficiary (Only register the bank account of the account holder and/or the bank account of the attorney):

Đơn vị/người thụ hưởng/Beneficiary: .....

Số tài khoản 1/Account No. 1:..... Số tài khoản 2/Account No. 2:.....

Tại ngân hàng/At bank:..... Tại ngân hàng/At bank:.....

Chi nhánh/Bank branch: ..... Chi nhánh/Bank branch:.....

Tỉnh/Thành phố/Province/City: ..... Tỉnh/Thành phố/Province/City: .....

**3. Phương thức nhận thông báo giao dịch//Methods of receiving transaction notifications**

- Nhận email kết quả giao dịch hàng ngày (Áp dụng cho lệnh đặt tại sàn và qua điện thoại)/Receive daily transaction notification email (applied to orders placed at FPTS offices and via telephone):.....
- Nhận email sao kê tài khoản hàng tháng/Receive emails of monthly account statements.....
- Nhận sao kê hàng tháng bằng đường thư tới địa chỉ/Receive monthly account statement to a locational address:  
.....
- Nhận email hóa đơn điện tử/ Receive e-invoice email:.....Mã số thuế/Tax code: .....
- Nhận tin nhắn SMS tới số điện thoại/ Receive SMS message sent to mobile phone number:.....

<b>FPTS thu theo biểu phí công bố tại từng thời điểm/The fee collected is based on the FPTS Service Tariff, announced at times</b>	<b>FPTS không thu phí/Free services</b>
<input type="checkbox"/> Thông báo số dư đầu ngày/Start-of-day balance notification  <input type="checkbox"/> Thông báo kết quả khớp lệnh giao dịch trực tuyến/Trading result notification for orders placed via the internet	<input type="checkbox"/> Thông báo kết quả khớp lệnh đặt lệnh qua Sàn/điện thoại Trading result notification for orders placed via FPTS Offices or via telephone  <input type="checkbox"/> Thông báo liên quan đến thực hiện quyền/Corporate actions notification  <input type="checkbox"/> Thông báo liên quan đến dịch vụ giao dịch ký quỹ/ Margin trading service notification  <input type="checkbox"/> Thông báo khác từ FPTS/Other notifications from FPTS

**Lưu ý:** Khách hàng có thể đăng ký/hủy đăng ký các sản phẩm/dịch vụ tại mục (2) và (3) qua trang giao dịch trực tuyến của FPT/Note: The Customer can register or cancel registration of options in Item (2) and Item (3) through FPT's online services.

**B. THÔNG TIN VỀ KHÁCH HÀNG/CUSTOMER INFORMATION**

<b>I. Thông tin về tài sản và kiến thức đầu tư chứng khoán của Khách hàng/ Customer's Property and Knowledge of Securities Transaction</b>			
<b>1. Mục tiêu đầu tư/Investment objectives</b>	Thu nhập/Income: %	Tăng trưởng dài hạn/Long-term growth: %	
	Tăng trưởng trung hạn/ Medium-term growth: %	Tăng trưởng ngắn hạn/ Short-term growth: %	
	<b>Tổng 100%</b>		
<b>2. Mức độ chấp nhận rủi ro/Risk exposure</b>	Thấp/Low: %	Trung bình/Medium: %	Cao/High: %
	<b>Tổng/Total 100%</b>		
<b>3. Hiểu biết về đầu tư/Investment knowledge</b>	<input type="checkbox"/> Chưa biết/None <input type="checkbox"/> Còn nhiều hạn chế/Little <input type="checkbox"/> Tốt/Good <input type="checkbox"/> Rất tốt/Very good		
<b>4. Kinh nghiệm trong hoạt động đầu tư/Investment experience</b>	<input type="checkbox"/> Chưa có//None <input type="checkbox"/> Tín phiếu kho bạc/Treasury note <input type="checkbox"/> Cổ phiếu/Shares		
	<input type="checkbox"/> Trái phiếu/Bonds <input type="checkbox"/> Bán khống/Short sale <input type="checkbox"/> Chứng khoán khác/Other securities		
<b>5. Đây có phải là tài khoản ủy thác hay không/Is this a trust account?</b>	<input type="checkbox"/> Có/Yes <input type="checkbox"/> Không/No		
Họ tên người được ủy thác/Full name of the trustee:		Điện thoại/Telephone:	
<b>6. Tài khoản tại Công ty chứng khoán khác (Nếu có)/Accounts at other securities companies (if any)</b>			
<b>STT/No.</b>	<b>Tên Công ty chứng khoán/Name of securities companies</b>	<b>Số tài khoản giao dịch chứng khoán/Securities transaction account number</b>	
<b>II. Thông tin liên quan đến Hoa Kỳ (cho mục đích tuân thủ FATCA - Đạo luật tuân thủ thuế đối với tài khoản ở nước ngoài của Hoa Kỳ)/Information relating to the United States of America (for the sake of compliance with FATCA - Foreign Account Tax Compliance Act)</b>			
<input type="checkbox"/> (1) Nhà đầu tư tổ chức không phải thành lập tại Hoa Kỳ hoặc đăng ký kinh doanh tại Hoa Kỳ, và không có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ/The institutional investor is not be incorporated in the U.S. or registered as a U.S. business and does not have U.S. indicia			
<input type="checkbox"/> (2) Nhà đầu tư tổ chức có nơi thành lập hoặc đăng ký địa chỉ kinh doanh hoặc đối tượng phải khai thuế tại Hoa Kỳ/The institutional investor is incorporated or registered its business address or subject to tax declaration in the U.S			
<input type="checkbox"/> (3) Nhà đầu tư tổ chức có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ nhưng không phải được thành lập hoặc đăng ký địa chỉ kinh doanh tại Hoa Kỳ/The institutional investor has U.S. indicia but is not incorporated or registered with a U.S. business address:			
<input type="checkbox"/> Định chế tài chính (Định chế có liên quan đến hoạt động chứng khoán, chủ thể thực hiện các hoạt động đầu tư, hoặc công ty bảo hiểm có liên quan đến FATCA)/Financial institution (the institution is involved in securities activities, the entity is involved in investment activities, or the insurance company is related to FATCA)		<input type="checkbox"/> Tổ chức có chỉ định, định kỳ chuyển khoản vào tài khoản tại Hoa Kỳ hoặc chỉ định nhận tiền từ tài khoản mở tại Hoa Kỳ/Entity has standing instruction to a U.S. account.	
<input type="checkbox"/> Tổ chức có địa chỉ đăng ký tại Hoa Kỳ/Entity has a U.S. registered address.		<input type="checkbox"/> Tổ chức có địa chỉ nhận thư hộ hoặc giữ thư tại Hoa Kỳ/Entity has a U.S. "hold mail" or "in care of" mail address.	
<input type="checkbox"/> Tổ chức có địa chỉ gửi/nhận thư tại Hoa Kỳ/Entity has a U.S. mailing/mailed address.		<input type="checkbox"/> Tổ chức có số điện thoại liên lạc tại Hoa Kỳ/Entity has a U.S. contact telephone number.	
<input type="checkbox"/> Tổ chức có ủy quyền còn hiệu lực cho một đối tượng có địa chỉ tại Hoa Kỳ/Entity has a U.S. contact telephone number.		<input type="checkbox"/> Tổ chức có Nhà đầu tư/cổ đông/chủ sở hữu trên 10% cổ phần là công dân/đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ/Entity has an investor/shareholder/owner possessing more than 10% of the shares who is a U.S. citizen/resident.	

Nếu Khách hàng là trường hợp (2) hoặc (3): Khách hàng cam kết cung cấp bộ tài liệu FATCA bao gồm mẫu đơn W-9 với đối tượng (2) hoặc W-8BenE với đối tượng (3) và/hoặc các tài liệu chứng minh theo yêu cầu của FPTS trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này. Trường hợp Khách hàng không cung cấp bộ tài liệu FATCA trong vòng 90 ngày cho FPTS thì tài khoản của Khách hàng này được phân loại là “Tài khoản chống đối”/Where the Customer is identified to be Case (2) or (3): The Customer undertakes to provide a set of FATCA documents, including Form W-9 for Case (2) or W-8BenE for Case (3) and/or proof documents as required by FPTS within 90 days from the date of signing this Contract. In case the Customer fails to provide the FATCA documents within this given period of time for FPTS, his/her account will be classified as “Recalcitrant Account”.

Khách hàng đồng ý cho FPTS truy cập tất cả các thông tin liên quan đến các tài khoản của Khách hàng. Đồng thời, cho mục đích tuân thủ các yêu cầu về rà soát khách hàng của FATCA, Khách hàng, theo đây, đồng ý cho FPTS báo cáo thông tin về các tài khoản của Khách hàng cho Sở thuế vụ Hoa Kỳ (IRS) hoặc cơ quan thuế có thẩm quyền, thực hiện khấu trừ thuế theo yêu cầu đối với Tổ chức tài chính tuân thủ FATCA/The Customer agrees to permit FPTS to access all information regarding his/her account. Also, for the purpose of complying with FATCA’s customer review requirements, the Customer hereby agrees to allow FPTS to report information regarding his/her account to the U.S. Internal Revenue Service (IRS) or competent tax authorities and making tax withholdings as required for FATCA-compliant Financial Institution.

**III. Chữ ký mẫu của Khách hàng – Tài khoản số...../Specimen signatures – Account number.....**

<b>Chữ ký 1/Signature 1</b> (Ký/Signature, Ghi rõ họ tên/full name, Đóng dấu/seal)	<b>Chữ ký 2/Signature 2</b> (Ký/Signature, Ghi rõ họ tên/full name, Đóng dấu/seal)
---	---

**PHẦN DÀNH CHO FPTS/FOR FPTS ONLY**

<b>CÁN BỘ MỞ TÀI KHOẢN/ACCOUNT OFFICER</b> (Ký/Signature, Ghi rõ họ tên/full name)	<b>CÁN BỘ KIỂM SOÁT/SUPERINTENDENT</b> (Ký/Signature, Ghi rõ họ tên/full name)
---	---